

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Hoàng Thị Thúy

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn D - Sinh năm 1989

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam.

Con ông: Lê Đức N, sinh năm 1950 và bà Lưu Thị D, sinh năm 1961

Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án : không;

Tạm giữ từ ngày 22/9/2018 đến ngày 28/9/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên toà)

*** Bị hại:** - Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Ngô Thu P – Sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị Đ – Sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị T – Sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lê Xuân T – Sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ mùa năm 2018 anh Đ là chủ máy gặt người ở tỉnh Nam Định đưa máy gặt về xã B, Huyện X gặt lúa cho bà con. Tại đây Lê Văn D có thỏa thuận với anh Đ về việc D sẽ đi dẫn đồng, chỉ ruộng cho anh Đ, đổi lại khi cắt được một sào lúa anh Đ thu 200.000đ thì trả công cho D 50.000đ.

Tối ngày 21/9/2018 D biết tin chị Bùi Thị M, sinh năm 1963 và Lê Thị T, sinh năm 1959 ở cùng thôn với D thuê anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 là chủ máy gặt ở thôn G, xã H, huyện X sang cắt lúa cho nhà hai chị ở cánh đồng thôn A xã B vào ngày hôm sau. D biết tin liền gọi điện cho anh T nói với giọng dần mặt: “Tôi nghe nói ngày mai anh mang máy sang đây gặt, tốt nhất anh đừng có sang nếu sang tôi đốt máy đấy”. Nghe D nói vậy nhưng anh T không nói gì nên D tắt máy và tiếp tục nhắn tin cho anh T với nội dung: “Tôi nghe nói ngày mai anh sang tôi gặt, anh tốt nhất đừng sang thì hay hơn vậy anh nhé” và “Tốt nhất anh đừng sang anh em đỡ mất lòng”. Anh T nhận được tin nhắn nhưng không nhắn tin lại.

Đến 8h ngày 22/09/2018 D biết việc anh T mang máy gặt sang gặt lúa ở cánh đồng thôn A, xã B là do bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1963 ở cùng thôn với D gọi đến, nên D gọi điện cho bà Đ dọa “Bà dẫn máy về làm gì, bà có thích chết không”, bà Đ trả lời: “Bác đang thích chết đây, mi có giỏi lên đây mà đánh” sau đó D tắt máy. Đến khoảng 10h cùng ngày D rủ bạn là Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 ở thôn P, xã N đi xe máy ra cánh đồng thôn A, xã B. Tại đây D nhìn thấy anh T đang gặt lúa cho ruộng nhà bà T, D bức tức vì đã nói trước mà anh T không nghe nên điều khiển xe đi lại gần nơi anh T đang gặt lúa mục đích ngăn không cho anh T gặt nữa và ép anh T phải đưa lại số tiền anh T được trả công khi gặt lúa ở cánh đồng thôn A. Khi đến ruộng nhà bà T, D xuống xe, đứng ở bờ ruộng chỉ tay về phía anh T quát to: “Địt mẹ mày, ai cho mày gặt ở đây, đây là ruộng của tao mày dừng lại ngay không tao đốt máy, tao đánh chết mẹ mày bây giờ”. D vừa nói, vừa chỉ tay ra hiệu bắt anh T dừng cắt lúa để đi lại chỗ D. Khi nghe D nói vậy thì anh T không cắt lúa nữa mà lái máy đi vào bờ ruộng xả lúa cho nhà bà T rồi tắt máy. Lúc này T đang ngồi trên máy gặt thì D nhảy lên đấm 2 đến 3 cái vào mặt anh T, nhưng anh T né người tránh được. Sau đó D nói: “Mày cắt từ sáng đến giờ được bao nhiêu thì nộp hết ra đây cho tao, nếu không mày không thể mang máy ra khỏi đây, và tao sẽ đốt máy của mày” anh T xin thì D dọa “mày đánh máy theo tao về UBND xã B để đăng ký”, anh T đồng ý và xin được lái máy đi theo, thì D nói “Thôi mày đưa cho tao 1.000.000đ rồi đánh máy biến khỏi đây nếu không thì mày không mang máy đi ra khỏi đây được, tao sẽ đốt máy mày” anh T sợ D đốt máy và đánh mình nên phân bua: “Từ sáng đến giờ tôi mới làm được có khoảng 1.000.000đ, anh đòi lấy hết thì tôi còn gì nữa” D nói lại “Tao tính từ sáng đến giờ mày gặt được khoảng 8 sào, giờ mày nộp cho tao 50.000đ/ 01 sào, thì tám nhân năm bằng bốn mươi mày đưa cho tao 400.000đ rồi đánh máy biến khỏi đây” vừa nói D vừa dọa đánh và đốt máy gặt nên anh T sợ buộc phải nói với vợ là chị Ngô Thu P đưa cho D 400.000đ. D cầm

tiền xong nói “xong rồi biến khỏi đây” nên anh T đánh máy ra về, D cũng ra về cùng với L.

Sau khi phạm tội, biết không thể trốn tránh được pháp luật nên hồi 17h cùng ngày D đã đến cơ quan CSĐT Công an Huyện Quảng Xương đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình và giao nộp 400.000đ để trả lại cho bị hại. Đồng thời giao nộp chiếc điện thoại D dùng để nhắn tin đe dọa bị hại

Hiện nay Cơ quan CSĐT Công an Huyện Quảng Xương đã trả lại số tiền trên cho anh Nguyễn Văn T. Anh T không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen, bàn phím trần D giao nộp cho Cơ quan điều tra, quá trình điều tra xác định D đã dùng chiếc điện thoại này để nhắn tin đe dọa anh T là phương tiện dùng vào việc phạm tội đang còn giá trị nên cần tịch thu phát mãi xung công quỹ nhà nước.

Chiếc xe mô tô D đi ra cánh đồng thôn A, xã B để thực hiện hành vi phạm tội là xe của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn B xã B cho D mượn, khi cho mượn xe anh T không biết D sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội do vậy cơ quan điều tra không thu giữ là phù hợp.

Đối với đối tượng tên L, quá trình điều tra xác định lúc đầu khi đi cùng D ra cánh đồng thôn A, xã B, D không nói cho L biết mục đích của D, tại hiện trường, khi D thực hiện hành vi phạm tội, L cũng không có hành vi gì để giúp sức cho D. Tuy nhiên L là người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm Cướp tài sản, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập L để làm rõ về việc L có biết rõ hành vi phạm tội của D hay không nhưng L không có mặt tại địa phương do vậy chưa có căn cứ để xử lý L về tội: “Không tố giác tội phạm”. Hiện nay cơ quan điều tra đã tách hành vi của L tiếp tục triệu tập để điều tra làm rõ, quá trình làm việc nếu có dấu hiệu tội phạm sẽ xử lý Lâm ở một vụ án khác.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS-QX ngày 15/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Quảng Xương để xét xử bị cáo Lê Văn D về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 điều 168 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên toà hôm nay :- Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Bị hại: Đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.
- Kiểm sát viên tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; Điểm b, s khoản 1 điều 51; Khoản 2 điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tù. Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen , bàn phím trần. Buộc bị cáo chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai của bị cáo với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 h 45 phút ngày 22/9/2018 tại cánh đồng thôn A, xã B, bị cáo Lê Văn D đã có hành vi đâm vào mặt anh T, 2 cái nhưng anh T né được và đâm chị P 01 cái nhưng không trúng, sau đó tiếp tục đe dọa đánh anh T và dọa đốt máy gặt của anh T và yêu cầu anh T đưa 400.000 đồng. Anh T sợ bị cáo đánh và đốt máy nên anh T bảo vợ là chị Ngô Thu P đưa cho bị cáo 400.000 đồng. Bị cáo đã dùng vũ lực đánh anh T, chị P và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt 400.000 đồng của anh T, Vì vậy hành vi của bị cáo phạm vào tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 điều 168 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án :

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật có hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc uy hiếp tinh thần của anh T, chị P để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của công dân nhằm ngăn cản không cho anh T gặt lúa cho nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Hiện nay tình trạng tranh giành địa bàn bảo kê gặt lúa đang diễn ra ở nhiều nơi ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, gây khó khăn cho nhân dân. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo là người nghiện ma túy, cần phải xử lý nghiêm minh cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo :

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng mà được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện nộp 400.000 đồng cho công an để bồi thường thiệt hại cho người bị hại, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến công an để đầu thú vì vậy cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật việt nam để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự : Người bị hại đã nhận lại 400.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng: Chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen, bàn phím trần bị cáo dùng để nhắn tin và gọi điện đe dọa anh T, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội vì vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

*Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội "Cướp tài sản"

* Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2018.

* Về trách nhiệm dân sự : Bị hại đã nhận lại 400.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen, bàn phím trần (Chiếc điện thoại được niêm phong trong 1 phong bì do công an huyện Quảng Xương phát hành, mặt sau phong bì có 03 dấu dấp lai của cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương, có 7 chữ ký, có 2 chữ viết tên Dương, có 1 chữ viết rõ họ tên Lê Văn Dương)

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2018 giữa Công an huyện Quảng xương và Chi cục thi hành án dân sự Quảng Xương)

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh,;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Cơ quan Thi hành án DS Quảng xương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Xuân Dũng